

TÒA ÁN NHÂN DÂN CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
KHU VỰC 3, TP. ĐÀ NẴNG Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: **63/2026/HNGĐ-ST**

Ngày 20 tháng 5 năm 2026

V/v: "*Tranh chấp Ly hôn, nuôi con chung*"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 3, TP ĐÀ NẴNG

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Xuân
- *Các hội thẩm nhân dân:* Bà Nguyễn Hoàng Thị Diệu
Bà Nguyễn Thị Hồng
- *Thư ký phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Như Quỳnh - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 3 - Đà Nẵng.
- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 3, thành phố Đà Nẵng tham gia phiên tòa:* Bà Trần Thị Mai Phương - Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 5 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 3 xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 412/2025/TLST-HNGĐ ngày 08 tháng 12 năm 2025 về việc "*Tranh chấp ly hôn, nuôi con chung*" theo quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số 412/2026/QĐXXST-HNGĐ ngày 08 tháng 4 năm 2026 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 412/2026/QĐXXST-HNGĐ ngày 28 tháng 4 năm 2026, giữa các đương sự:

* Nguyên đơn: Ông **Trần Nhật T**, sinh năm 1987; Địa chỉ: **K Ông I, phường H, thành phố Đà Nẵng**. có mặt

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn: Bà **Lê Thị Xuân P** - Luật sư thuộc **Công ty L - chi nhánh Đ**. có mặt

* Bị đơn: Bà **Bùi Thị Tàu S**; sinh năm: 1989; Địa chỉ: **C T, phường T, thành phố Đà Nẵng**. vắng mặt

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*Theo đơn khởi kiện ngày 27 tháng 11 năm 2025 và tại phiên tòa hôm nay nguyên đơn ông **Trần Nhật T** trình bày:*

- *Về quan hệ hôn nhân:* Ông và bà **Bùi Thị T1** Sang kết hôn với nhau vào năm 2014, có đăng ký kết hôn tại **UBND phường X, quận T (cũ) , thành phố Đà Nẵng**, hôn nhân trên cơ sở tự nguyện.

Sau khi kết hôn thì hai vợ chồng thuê trọ nhưng vợ ông không chịu ra ở cùng ông nên vẫn ở nhà mẹ đẻ, các con đều sinh ở nhà ông bà ngoại, sống cùng mẹ và gia

đình ngoại còn ông thì chạy qua chạy lại hỗ trợ chứ không sống chung cùng vợ và các con. Thời gian sau đó do công việc làm ăn gặp khó khăn và ông vỡ nợ cá nhân nên mâu thuẫn vợ chồng phát sinh và ngày càng trầm trọng, vợ chồng không còn tiếng nói chung hay có quan tâm về tình cảm qua lại, ông có đề nghị chấm dứt hôn nhân vợ ông đồng ý nhưng không đến tòa giải quyết. Hiện nay, tình cảm vợ chồng xa cách dần, không qua lại, không quan tâm nhau và không thể hàn gắn vì vậy ông xin được giải quyết ly hôn với bà **Bùi Thị Tàu S**.

- *Về con chung*: Ông **T** xác định ông và bà **S** có 2 con chung là cháu là cháu **Trần Nhật Thiên A**, sinh ngày 17 tháng 7 năm 2014 và cháu **Trần Nhật Di B**, sinh ngày 06/12/2021. Do các cháu từ trước đến nay ở cùng ông bà ngoại và do mẹ chăm sóc, còn ông ở trọ nên tôi có nguyện vọng giao các cháu cho mẹ tiếp tục nuôi dưỡng và ông cấp dưỡng 6.000.000đồng /02/ tháng (3.000.000đồng/01 con/tháng) cho đến khi các con đủ 18 tuổi. Thời hạn cấp dưỡng ông đề nghị bắt đầu từ tháng 6/2026 vào ngày 15 hàng tháng.

- *Về tài sản chung*: không có và không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- *Về nợ chung*: không có và không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* *Bị đơn* bà **Bùi Thị Tàu S** mặc dù đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ Thông báo và quyết định đưa vụ án ra xét xử nhưng vẫn không có ý kiến gì phản hồi về yêu cầu khởi kiện ly hôn và giao quyền nuôi con, cấp dưỡng nuôi con của ông **T**.

Tại phiên tòa hôm nay, đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 3 - Đà Nẵng phát biểu ý kiến như sau:

- Về Tố Tụng:

+ Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án.

+ Nguyên đơn, thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của pháp luật; Bị đơn đã được Tòa án thông báo hợp lệ nhưng vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết hồ sơ, vắng mặt tại các phiên toàn nên đề nghị HĐXX xét xử vụ án vắng mặt bị đơn theo quy định.

- Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị HĐXX áp dụng các Điều 51, 56, 57, 58 Điều 81, 82, 83, 115, 116 và Điều 117 của Luật hôn nhân và gia đình chấp nhận yêu cầu khởi kiện về việc ly hôn của ông **Trần Nhật T**.

+ Chấp nhận yêu cầu của ông **Trần Nhật T** về việc chấm dứt quan hệ hôn nhân đối với bà **Bùi Thị Tàu S**.

+ Chấp nhận nguyện vọng ông **T** về quyền nuôi con; Đề nghị HĐXX giao cả hai con chung cháu **Trần Nhật Thiên A**, sinh ngày 17 tháng 7 năm 2014 và cháu **Trần Nhật Di B**, sinh ngày 06/12/2021 cho bà **Bùi Thị Tàu S** trực tiếp nuôi dưỡng; Chấp nhận mức cấp dưỡng ông **T** đề nghị 6.000.000đồng /02 con/ tháng (3.000.000đồng/01 con/tháng) cho đến khi các con đủ 18 tuổi. Thời hạn cấp dưỡng bắt đầu từ tháng 6/2026 vào ngày 15 hàng tháng.

+ Về tài sản chung và nợ chung: Ông **T** xác nhận vợ chồng không có tài sản chung và nợ chung. Trường hợp sau này có tranh chấp thì khởi kiện bằng vụ án dân sự khác để giải quyết.

- Ông **T** chịu án phí hôn nhân gia đình và án phí cấp dưỡng sơ thẩm theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, đã được thẩm tra lại tại phiên tòa; sau khi đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 3 – Đà Nẵng phát biểu quan điểm về việc giải quyết vụ án, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Tòa án nhân dân khu vực 3 – Đà Nẵng thụ lý và giải quyết đơn khởi kiện của bà **Trần Nhật T** về việc "*Tranh chấp ly hôn, nuôi con*" đối với **Bùi Thị Tầu S** có địa chỉ tại: **C T, phường T, thành phố Đà Nẵng** là đúng với quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Nguyên đơn thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của pháp luật. Đối với bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt nên HĐXX xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định.

[3] Về nội dung: Xét yêu cầu khởi kiện ly hôn và quyền nuôi con của ông **Trần Nhật T** đối với bà **Bùi Thị Tầu S**, HĐXX xét thấy:

[3.1] Về quan hệ hôn nhân: ông **Trần Nhật T** đối với bà **Bùi Thị Tầu S** kết hôn với nhau năm 2014, có đăng ký kết hôn tại **UBND phường X, quận T (cũ), thành phố Đà Nẵng**, hôn nhân trên cơ sở tự nguyện.

Tại phiên tòa, ông **Trần Nhật T** trình bày nguyên nhân chính dẫn đến ông đưa yêu cầu ly hôn là do kể từ khi vợ chồng kết hôn đã không ở chung, luật sư của ông **T** trình bày nguyên nhân chính dẫn đến ông **T** xin ly hôn là do vợ chồng ông **T** khác biệt về quan điểm, tính tình dẫn đến đời sống hôn nhân không hòa hợp kéo dài âm ỉ nhiều năm sau kết hôn, hiện nay hai vợ chồng đã ly thân nhiều năm. Xét thấy lời trình bày của luật sư ông **T** phù hợp với xác minh tại địa phương cũng như quá trình Tòa án giải quyết hồ sơ có thông báo mời bà **S1** làm việc nhiều lần để hòa giải hôn nhân nhưng bà **S** không đến cho thấy bà **S** không tha thiết cuộc hôn nhân nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của ông **T** đối với bà **S** theo quy định tại Điều 51 và Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình.

[3.2] Về con chung: Vợ chồng ông **T** bà **S** có hai con chung cháu **Trần Nhật Thiên A**, sinh ngày 17 tháng 7 năm 2014 và cháu **Trần Nhật Di B**, sinh ngày 06/12/2021. Kể từ khi kết hôn bà **S** ở cùng cha mẹ đẻ và sinh con ở nhà ông bà, còn ông **T** thuê trọ một mình nên ông **T** có nguyện vọng giao cả hai con cho bà **S** tiếp tục nuôi dưỡng để đảm bảo sự ổn định của các con và ông cấp dưỡng cho hai con 6.000.000đồng /02/ tháng (3.000.000đồng/01 con/tháng) cho đến khi các con đủ 18 tuổi. Xét thấy lời khai của ông **T** phù hợp với xác minh tại địa phương do tổ trưởng tổ dân phố cung cấp về việc vợ chồng ông **T** bà **S** sống ly thân từ lâu, bà **S** cùng các

con ở bên nhà ngoại còn ông **T** ở nơi khác đồng thời thường xuyên chu cấp do đó cần tiếp tục giao hai con cho bà **S** nuôi dưỡng đảm bảo sự ổn định về chỗ ở và học hành, chăm sóc hai con. Xét việc ông **T** tự nguyện cấp dưỡng cho hai con 6.000.000đồng /02/ tháng (3.000.000đồng/01 con/tháng) cho đến khi các con đủ 18 tuổi để bà **S** nuôi các con là phù hợp nên HĐXX chấp nhận.

[3.3] Về tài sản chung và nợ chung: ông **Trần Nhật T** xác định ông bà không có tài sản chung và nợ chung và không ghi nhận ý kiến của bà **S** về nội dung này nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết trong vụ án này. Trường hợp sau này có tranh chấp thì khởi kiện bằng vụ án dân sự khác để giải quyết.

[4] Về án phí: Án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) nguyên đơn ông **Trần Nhật T** phải chịu theo quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[5] Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn: Bà **Lê Thị Xuân P** - luật sư thống nhất trình bày của ông **T** và bổ sung thêm việc từ trước đến nay dù ông **T** và bà **S** không sống cùng nhưng hàng tháng ông **T** luôn gửi tiền lo hai con tuy nhiên hiện nay ông **T** ở trọ chỗ ở không ổn định vì vậy về quyền nuôi con đề nghị giao cả hai con cho bà **S** chăm sóc, ông **T2**, cấp dưỡng 6.000.000đồng /02/ tháng (3.000.000đồng/01 con/tháng) cho đến khi các con đủ 18 tuổi là phù hợp với thực tế hôn nhân của ông **T** và bà **S** nên đề nghị HĐXX chấp nhận yêu cầu ly hôn và giao con, cấp dưỡng như trên. Về tài sản chung và nợ chung không có nên không yêu cầu giải quyết.

[5] Xét quan điểm giải quyết vụ án của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 3, **Đ** là phù hợp nên HĐXX thống nhất.

[5] Xét luận cứ bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của luật sư là phù hợp nên HĐXX chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào: Các Điều 51, 56, 57, 58 Điều 81, 82 và 83, 115, 116, 117 của Luật hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông **Trần Nhật T** đối với bà **Bùi Thị Tàu S2** về việc " *Tranh chấp ly hôn, nuôi con chung* ". Cho ông **Trần Nhật T** được ly hôn với bà **Bùi Thị Tàu S**.

2. Về con chung: Giao hai cháu **Trần Nhật Thiên A**, sinh ngày 17/7/2014 và cháu **Trần Nhật Di B**, sinh ngày 06/12/2021 cho bà **Bùi Thị T1** Sang chăm sóc, nuôi dưỡng.

3. Về cấp dưỡng nuôi con: Ông **Trần Nhật T** cấp dưỡng nuôi hai con **Trần Nhật Thiên A** và **Trần Nhật D** Bằng 6.000.000đồng/02con/tháng (3.000.000đồng/01 con/tháng) cho đến khi các con đủ 18 tuổi. Thời hạn cấp dưỡng kể từ ngày 15 hàng tháng bắt đầu từ tháng 6/2026.

Các bên vẫn được thực hiện mọi quyền và nghĩa vụ đối với con chung theo qui định của pháp luật. Khi cần thiết vì lợi ích con chung, các bên đương sự có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc yêu cầu thay đổi về mức cấp dưỡng nuôi con.

Đến hạn thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con, người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án mà người phải thi hành án không thi hành án thì phải chịu tiền lãi của số tiền còn phải thi hành theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ Luật dân sự.

3. Tài sản chung, nợ chung: không có

4. Án phí: Ông **Trần Nhật T** phải chịu 300.000đ (*ba trăm nghìn đồng*) án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm và 300.000 đồng án phí cấp dưỡng sơ thẩm, ông **T** đã nộp số tiền tạm ứng án phí 300.000đ biên lai thu số 0006697 ngày 05 tháng 12 năm 2025 của Phòng Thi hành án dân sự thành phố Đà Nẵng; Ông **T** còn nộp tiếp số tiền 300.000đ (*ba trăm nghìn đồng*).

5. Nguyên đơn có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm 20/05/2026; Bị đơn vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định pháp luật.

Nơi nhận:

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

- Người tham gia tố tụng; **THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

- VKSND khu vực 3- Đà Nẵng;

- Phòng THA khu vực 3- Đà Nẵng;

- Lưu Hồ sơ vụ án.

Nguyễn Thị Xuân

**THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN
TÒA**

Nơi nhận:

- VKSND quận Thanh Khê, TP Đà Nẵng;
- Chi cục THADS quận Thanh Khê;
- UBND phường Hòa Hiệp Nam, quận Liên Chiểu, thành phố Đà Nẵng;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ
THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa**

Lưu Thị Hằng

**THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN
TÒA**

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Lưu Thị Hằng

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Các Hội thẩm nhân dân Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Lưu Thị Hằng

